

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2024/HS-PT
Ngày: 31- 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân.

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2024/TLPT – HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Vũ P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2024/HS-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Vũ P, sinh 1983, tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ S và bà Lê Thị Kim L; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú rồi bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng khác, cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ P làm nghề lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh và có quen một người bạn tên T (không rõ họ tên và địa chỉ). Ông T có giao cho P 01 xe ô tô hiệu Hyundai Tucson mang biển số 30F – 168.51 để chở ông T đi công việc. Do nợ nần và cần tiền tiêu xài cá nhân, nên P nảy sinh ý định cầm xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 của ông T.

Ngày 26/6/2023, P lên mạng xã hội Facebook tìm người cầm cố xe không có giấy tờ thì được một người tên D (không rõ họ tên và địa chỉ, là người môi giới cho dịch vụ cầm xe) sử dụng số điện thoại 0899967610 liên hệ và hẹn P đến khu dân chung cư H thuộc phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh gặp ông Phan Trần Tường L là chủ dịch vụ cầm đồ Thuận P và ông Lâm Phúc M (ông L và ông M hợp tác làm ăn chung). P nói với ông L và ông M xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 đã bị thất lạc giấy chứng nhận đăng ký xe, chỉ có giấy chứng nhận kiểm định. Ông L hỏi có giấy tờ gì khác để chứng minh không thì P đưa cho ông L và ông M 01 biên lai đóng tiền phí của xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 có tên của P, nên ông L và ông M tin tưởng đây là xe ô tô của P và đồng ý cầm xe với số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P đến gặp ông L và ông M chuộc lại xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 nêu trên với số tiền là: 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Khoảng 09 giờ ngày 28/6/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên P tiếp tục liên hệ với ông D để gặp ông L và ông M thỏa thuận cầm xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 với số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Sau khi cầm được xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 của ông T, P sử dụng số tiền 70.000.000 đồng trả nợ và tiêu xài cá nhân. Sau đó, ông T điện thoại cho P chở ông T đi công việc thì P hẹn với ông T đến ngày 29/6/2023 sẽ lái xe chở ông T đi.

Do P biết bà Võ Thị P có cho thuê xe ô tô tự lái, nên P nảy sinh ý định thuê xe ô tô của bà P để cầm xe cho ông L và ông M nhằm chuộc lại xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 của ông T.

Đến khoảng 16 giờ ngày 28/6/2023, Nguyễn Vũ P điện thoại cho bà Võ Thị P hỏi thuê xe ô tô loại 7 chỗ và tự lái, để đi đến Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh từ 19 giờ ngày 28/6/2023 đến 19 giờ ngày 29/6/2023. Bà P báo giá thuê xe là 1.000.000 đồng/01 ngày thì P đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P một mình điều khiển xe mô tô mang biển số 60L1 – 4030 đi đến nhà của bà P để lấy xe. Do xe ô tô của bà P gửi tại nhà của ông Trần Thanh P, sinh năm 1969, tại ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nên P điều khiển xe mô tô chở bà P đi đến nhà của ông P. Bà P giao xe ô tô mang biển số 64A – 084.15, nhãn hiệu MITSUBISHI loại XPANDER (xe do chị Bùi Võ Ngọc Quế T, sinh năm 1999, nơi thường trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, là con ruột bà P đứng tên giấy chứng nhận đăng ký) cho Nguyễn Vũ P thuê. P gửi xe mô tô mang biển số 60L1 – 4030 lại nhà ông Trần Thanh P.

Sau khi nhận được xe ô tô mang biển số 64A – 084.15, P điều khiển xe đưa bà P về nhà bà P rồi điều khiển xe ô tô trên đèn Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi,

P điện thoại cho bà P hỏi thuê xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 đến ngày 30/6/2023 thì bà P đồng ý.

Đến khoảng 15 giờ ngày 29/6/2023, P điện thoại cho ông D hẹn gặp ông L và ông M tại phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để chuộc lại xe ô tô mang biển số 30F - 168.51 và cầm xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 cho ông L và ông M. Khi cầm xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 cho ông L và ông M thì P nói đây là xe của P. P nhờ chị đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Do P đã từng cầm xe và chuộc xe đúng hẹn, nên ông L và ông M tin tưởng và đồng ý cầm xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 với số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Sau khi trừ tiền cầm xe ô tô mang biển số 30F – 168.51 và tiền lãi với tổng số tiền là 77.000.000 đồng thì P nhận được số tiền còn lại là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau đó, ông D tháo định vị trên xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 ra đưa lại cho P. P tiêu xài cá nhân hết số tiền 3.000.000 đồng.

Cùng ngày 29/6/2023, bà P thấy tín hiệu của bộ phận định vị được gắn trên xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 bị ngắt kết nối, nên điện thoại cho P để hỏi nguyên nhân nhưng P không nghe máy. Đến ngày 30/6/2023, bà P không thấy P mang xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 trả lại như đã thỏa thuận. Bà P điện thoại nhiều lần cho P nhưng P không liên lạc được. Ngày 01/7/2023, bà P đến Công an xã M trình báo sự việc.

Sau khi cầm xe ô tô mang biển số 64A – 084.15, ông M có điện thoại liên hệ P, để chuộc lại xe nhưng P không đến chuộc lại. Lúc này, ông M nghi ngờ xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 mà P mang đến cầm không phải là tài sản của P, nên ông M nhờ D đăng lên trang mạng xã hội Facebook để xác định giá trị còn lại trên thị trường của xe ô tô mang biển số 64A – 084.15. D đăng lên mạng xã hội Facebook rao bán xe ô tô trên.

Bà P cho Bùi Võ Ngọc Quế T hay sự việc. Trần nhờ Nguyễn Võ An P và Trần Hoàng L, cùng ngụ đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức tìm kiếm xe ô tô mang biển số 64A – 084.15, P và L thấy bài đăng trên mạng xã hội rao bán xe ô tô biển số 64A – 084.15, nên L liên hệ ông D và thỏa thuận giá mua xe là 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng). D báo lại cho ông M biết, nên ông M nói với D là cho khách xem xe để định giá xe chứ không bán xe. Sau đó, D hẹn L đến Gara 603 tại số F, đường L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để xem xe. Khi L đến gặp D, D nghi ngờ xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 không phải là của P, nên D báo lại cho ông M biết. Ông M đưa giấy tờ có liên quan đến xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 lại cho D thì D gửi xe G mang đến Gara trả lại cho người nhà của bà P.

Đến ngày 03/7/2023 Nguyễn Vũ P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đầu thú và thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với những chứng cứ đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Ngày 07/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Vũ P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL.ĐGTS và số 27/KL.ĐGTS ngày 14/07/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- Một xe ô tô biển số 64A – 084.15, nhãn hiệu MITSUBISHI, loại XPANDER, đăng kiểm lần đầu ngày 26/02/2020 có giá: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Một bộ phận giám sát hành trình có dòng chữ “VTR-05” gắn trên ô tô biển số 64A-084.15, thời điểm tháng 02/2020 không có giá giao dịch trên thị trường, người sử dụng thanh toán cước phí thuê bao sử dụng dịch vụ do nhà mạng cung cấp. Giá trị tài sản định giá: Không có giá chuyển nhượng trên thị trường.

Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Võ Thị P yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ P trả tiền thuê xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 tự lái từ ngày 28/6/2023 đến ngày 30/6/2023 với tổng số tiền là 2.500.000 đồng. Hiện, Nguyễn Vũ P chưa bồi thường. Bà P xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Vũ P.

- Chị Bùi Võ Ngọc Quế T là chủ phương tiện xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 đã nhận lại đủ tài sản như nêu trên nên không có yêu cầu gì thêm về dân sự đối với bị cáo Nguyễn Vũ P.

- Ông Phan Trần Tường L và Lâm Phúc M cùng yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ P phải trả lại số tiền cầm xe ô tô mang biển số 64A – 084.15 theo Hợp đồng cầm đồ là 80.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo P trả tiền lãi suất cầm cố xe ô tô nêu trên. Nguyễn Vũ P chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2024/HS- ST, ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ P 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 03/7/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Vũ P đồng ý bồi thường cho bà Võ Thị P số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm đồng), trả lại cho ông Phan Trần Tường L và Lâm Phúc M số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và nộp 4.125.000 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2024, bị cáo Nguyễn Vũ P có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa trình bày như sau:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Vũ P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi sau khi nhận được xe bị cáo điều khiển đi chơi rồi sau đó đem cầm. Xét lời khai này không có căn cứ, bởi vì: trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận không có tiền để chuộc lại xe mà ông T đã giao cho bị cáo, từ đó bị cáo nảy xin thuê xe của P, rồi sử dụng tiền để chuộc xe của ông T mà bị cáo đã cầm trước đó; do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng tội, không oan sai.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xác định bà Võ Thị P tham gia tố tụng với tư cách bị hại là không đúng, vì Bùi Võ Ngọc Q Trân là người đứng tên Giấy đăng ký xe, nên Quế T mới là bị hại, còn bà P tham gia là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; đồng thời, định giá tài sản cũng không đúng. Xét lời đề nghị của Luật sư không có căn cứ.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa hôm nay thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo và Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ.

Bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt xe ô tô trị giá 350.000.000đ, tại cấp phúc thẩm mẹ bị cáo nộp số tiền 2.500.000 đồng để bồi thường thay cho bị cáo, nhưng quá ít so với số tiền bị cáo phải bồi thường.

Trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

T không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ P và giữ nguyên hình phạt Bản án sơ thẩm số: 40/2024/HS-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ P 08 (tám) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Thời hạn tù được tính từ ngày 03/7/2023.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

và điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư Lê Hữu P bào chữa cho bị cáo P trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi tội danh đối với bị cáo, từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đề nghị định giá lại xe ô tô biển số 64A-084.15, xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Võ Thị P bị hại là không đúng, mà bị hại là Bùi Võ Ngọc Quế T, bà P tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Vũ P trình bày: thống nhất với ý kiến của luật sư.

Bị cáo Nguyễn Vũ P nói lời sau cùng: không ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Vũ P khai nhận: do không có xe chở bạn đi chơi nên bị cáo có lời nói gian dối để bà Võ Thị P tin tưởng cho bị cáo thuê 01 (một) xe ô tô mang biển số 64A – 084.15; theo định giá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó, P điều khiển xe ô tô cầm xe cho ông Phan Trần Tường L và ông Lâm Phúc M với số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để trả nợ và tiêu xài hết số tiền trên. Bị cáo cho rằng, bị cáo chỉ phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xét lời khai này là không có căn cứ; bởi lẽ; tại Cơ quan điều tra bị cáo đều khai nhận do cần tiền để chuộc lại xe của ông T nhằm làm phương tiện chở ông T, nên bị cáo thuê xe của bà P đem cầm lấy tiền chuộc lại xe của ông T, mà bị cáo đã cầm trước đó (Bl 160-171). Số tiền còn lại bị cáo chi tiêu hết. Bị cáo đã không có tiền để chuộc lại xe, bị cáo mới thuê xe của bà P đem cầm lấy tiền chuộc lại xe. Do đó, việc cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Vũ P vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sở hữu hợp pháp của công dân về tài sản, do phải có xe ô tô mà ông T đã giao cho bị cáo quản lý trước đó để chở ông T đi, bị cáo vào lúc đó không có đủ tiền, nên bị cáo đã thuê xe ô tô của bà P rồi đem cầm để có tiền để lấy xe của ông T ra. Bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, với hành vi phạm tội này bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành một người công dân có ích và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội, còn răn đe những trường hợp tương tự có thể xảy ra, nhằm góp phần tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm xảy ra ở địa phương.

[3] Xét mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo không nặng, sau khi xét xử sơ thẩm, qua tác động của bị cáo nên mẹ bị cáo đã nộp số tiền 2.500.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0006921 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình) nhằm khắc phục hậu quả; nhưng quá ít so với số tiền bồi thường. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với lời đề nghị của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo thấy rằng: bị cáo trực tiếp liên hệ với bà Võ Thị P để thuê xe và bà P là người đang quản lý xe đồng ý cho bị cáo thuê xe, rồi bà P là người trực tiếp giao xe cho bị cáo, nên xác định bà P tham gia với tư cách bị hại là có căn cứ, còn Bùi Võ Ngọc Q T chỉ đứng tên đăng ký xe, nên tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra quyết định định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện T và Hội đồng định giá tài sản đã định giá đúng theo quy định của pháp luật và đã thông báo cho bị cáo biết và bị cáo đã thống nhất.

Do đó, lời bào chữa của luật sư Lê Hữu P không có căn cứ, không đúng theo quy định của pháp luật, nên không được chấp nhận.

[5] Các biện pháp tư pháp: trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Lê Thị Kim L - mẹ bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.500.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0006921 ngày 24/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình), sẽ được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, sửa phần bồi thường thiệt hại nên điều chỉnh lại án phí dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Tuyên không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ P và giữ nguyên hình phạt Bản án sơ thẩm số: 40/2024/HS-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ P 08 (tám) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Thời hạn tù được tính từ ngày 03/7/2023.

3. Các biện pháp tư pháp:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.500.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0006921 ngày 24/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình), do bà Lê Thị Kim L nộp, để đảm bảo thi hành án phần nghĩa vụ của bị cáo.

4. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm và nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- VKSND H.TB: 01;
- TAND H.TB: 02;
- CQTHADS H.TB : 01;
- CQTHAHS H.TB: 01;
- TG, BC: 02;
- BỊ HẠI: 01;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01;
- UBND TT. Tam Bình: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thành Tân